

Mật Tạng Bộ 4 \_ No.1223 (Tr.130 \_ Tr.133)

PHẬT NÓI PHÁP  
VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT HÓA THÂN  
ĐẠI PHẦN TẤN CÂU MA LA KIM CƯƠNG  
NIỆM TỤNG DU GIÀ NGHI QUỸ

Hán dịch: Nước Nam Thiên Trúc\_ Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ phụng  
chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta thuận **Du Già**

**Kim Cương Đỉnh Kinh** nói

**Xí Thịnh Kim Cương Bộ**

**Tây Phương Niệm Tụng Pháp**

Nếu có người tu hành

Y đây mà đỉnh thọ

Trước nơi A Xà Lê

Đã được Quán Đỉnh xong

Tiếp nên chọn Tịnh Xứ (chỗ trong sạch)

Trong nguồn suối, khe, sông

Đỉnh núi, A Lan Nhược

Chốn người Tiên đắc Đạo

Hoặc ở tại Tăng Phòng

Thanh tịnh rộng trang nghiêm

Hoặc nơi ý ưa thích

Muốn tu Pháp **Tất Địa** (Siddhi)

Tinh tiến mà thọ trì

Kim Cương trong các Bộ

Pháp này rất thâm sâu

Chân Ngôn, sức gia trì

Giáng Phục với Kính Ai

Tưởng niệm nơi chư Phật

Suy tư nơi Bản Tôn

Sức Chân Ngôn khôn sánh

Hay nghiền nát Đại Chướng

Vừa trì câu Chân Ngôn

**Hóa Phật** từ miệng ra

Mọi loại việc Cát Tường

Ứng niệm mà tự đến

Quy mệnh **Vô Lượng Thọ** (Amitàyus)

Nguyện đem sức Công Đức

Mau được siêu Tất Địa

Rộng phát **Hoàng Thệ Nguyên**

Tiếp nên lễ chư Phật

Với các Đại Bồ Tát

Bày tỏ tội ba Nghiệp

*Con từ đời quá khứ*

*Luân chuyển ở sinh tử*

*Nay đối Đại Thánh Tôn*

*Tận Tâm mà sám hối*

*Như Phật trước đã Sám*

*Nay con cũng như vậy*

**Vô Cấu Chân Ngôn** là:

**Ấn, sa-phộc bà phộc thú đà, tát phộc đạt ma sa-phộc bà phộc thú độ**

**hàm**

唵 蘇 呬 婆 蘇 呬 婆 蘇 呬 婆 蘇 呬 婆

OM – SVABHÀVA 'SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA

'SUDDHA UHÀM

Hành Giả tiếp nên lễ

Tất cả các Chúng Thánh

Mật Ngôn, một lễ bái

Gom tập lễ nhóm Trí

Như chuyển tất cả Kinh

Trừ Tâm nghi, quyết định

**Tác Lễ Chân Ngôn** là:

**Nãng mô một đà dã (1) Nãng mạc đạt ma dã (2) Nãng mạc tăng già dã**

**(3) hộ lỗ hộ lỗ (4) tất độ lỗ (5) chỉ lý bá cát lý bà (6) đát thi tất đát ni bộ (7) bộ**

**lỗ ni (8) sa-phộc hạ**

Tiếp kết **Khai Môn Ấn**

Hai Vĩ (2 tay) Kim Cương Quyền

Tiếng **Hông** (Hùm) rồi nâng Ấn

Chạm cửa, Cảnh Giác xong

Hay tôi (đập nát) Nội Ngoại Ma

Chân Ngôn là:

**Hông, hồng, hồng**

轰轰轰

HUM HUM HUM

**Quân Tra** (Kuṇḍali) giữ **Thủy Ấn**

Tay Định (tay trái) trước duỗi bằng

Thiên (ngón cái) đè móng Nhẫn (ngón giữa) Giới (ngón vô danh)

**Mật Minh** thêm bảy biến

**Ấn, a mật-lý đê, hồng, phán tra**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM AMRTE HUM PHAT

Cầm giữ cành Dương Liễu

Thân mình, khoảng trong ngoài

Tịnh trừ Phiền Não Cấu (sự dơ bẩn phiền não)

**Sái Tịnh Chân Ngôn** là:

**Ấn, đồ lỗ đồ lỗ lệ (1) củ lỗ củ lỗ, sa-phộc hạ**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM TURU TURULE KURU KURU SVÀHÀ

**Phật Bộ** (Buddha-kula) nửa hé mở

Tiến Lực (2 ngón trỏ) phụ Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa)

Thiên Trí (2 ngón cái) dưới Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Ngang tim, tưởng Như Lai

**Mật Ngôn** là:

**Ấn, đát tha nghiệt đô nạp-bà phộc dã, sa-phộc hạ**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM TATHÀGATA UDBHAVÀYA SVÀHÀ

**Liên Hoa Tam Muội Ấn**

Bung mười Độ (10 ngón tay) hơi co

Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) hợp

Một lòng nên tưởng niệm

Tám cánh, **Quán Tự Tại**

**Mật Chân Ngôn** là:

**Ấn, bát nạp-ma nạp-bà phộc dã, sa-phộc hạ**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM PADMA UDBHAVÀYA SVÀHÀ

Tiếp kết **Kim Cương Bộ** (Vajra-kula)

Ngược hai Vũ (2 tay) chung lưng

Thiên Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út) móc

Tâm tưởng **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhàra)

**Ấn, phộc nhật-lô nạp-bà phộc dã, sa-phộc hạ**

ॐ वज्र उद्भवया स्वहा  
OM VAJRA UDBHAVAYA SVÀHÀ

**Hộ Thân** nội tương xoa (cài chéo các ngón bên trong)  
Dựng Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa) như phượng  
Tiền Lực (2 ngón trỏ) phụ như móc  
Thiền Trí (2 ngón cái) đè Giới Phương (2 ngón vô danh)  
Ấn năm chỗ, thành **Giáp** (Giáp trụ)  
Chân Ngôn:

**Ấn, phộc nhật-la nghi-nễ , bát-la niệm bả đá, sa-phộc hạ**  
ॐ वज्र अग्नि प्रदीपया स्वहा  
OM VAJRA AGNI PRADIPTAYA SVÀHÀ

Tiếp kết **Địa Giới Ấn**

Nhấn (ngón giữa trái) Giới (ngón vô danh trái) quán Phương (ngón vô danh phải) Nguyệt (ngón giữa phải)  
Vào chuông (lòng bàn tay) hợp Thiền Trí (2 ngón cái)  
Kèm Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiền Lực (2 ngón trỏ)  
Thiền Trí (2 ngón cái) chạm đất hai (2 lần)  
Chân Ngôn là:

**Ấn, chỉ lý chỉ lý, phộc nhật-la phộc nhật-ly bộ luật mãn đà mãn đà ,  
hồng phán tra**

ॐ किलि किलि वज्र वज्रि भूरु बन्धा बन्धा हुं ह्रुं  
OM\_ KILI KILI\_ VAJRA VAJRI BHÜR\_ BANDHA BANDHA \_ HÙM  
PHAT

**Phương Ngung Kim Cương Tường**

Ấn trước mở Thiền Trí (2 ngón cái)  
Dựng nghiêng như bức tường  
Chân Ngôn là:

**Ấn, tát la tát la, phộc nhật-la, bát-la ca la, hồng, phán**  
ॐ सरा सरा वज्र प्रकरा हुं ह्रुं  
OM \_ SARA SARA VAJRA PRAKARA HÙM PHAT

Tiếp nên **Thỉnh Bản Tôn**

Định Tuệ (2 tay) nội tương xoa (cài chéo các ngón tay bên trong)  
Hợp Oản (cổ tay) ló lóng giữa  
Dựng Trí (ngón cái phải) thành Thỉnh Triệu  
Chân Ngôn là:

**Ấn, phộc nhật-la địa lực ca, nhất hứ-duệ hứ, bà nga phạm phộc nhật-la  
địa-lực ca**

ॐ वज्र वृक्ष वज्रिण भगवं वज्र वृक्ष  
OM VAJRA DHRK\_EHYEHI BHAGAVAM VAJRA DHRK

Tịch Trừ điều chướng nạn  
Hữu Tuệ (ngón út phải) đè Trí Độ (ngón cái phải)  
Hình Tam Cổ chứa eo  
Định Quyền (quyền trái) xoay trên đỉnh  
Trái phải thành Kết Giới  
Chân Ngôn là:

**Nắng mô phộc nhật-la dã, hạ nắng, độn nắng, vĩ đặc-mắng sa du tha la  
dã, hồng phán tra**

**Võng Ấn y Tường Ấn**

Thiền Trí (2 ngón cái) vịn Tiến Lực (2 ngón trỏ)  
Cạnh gốc, Đỉnh tam tuyền (xoay 3 vòng trên đỉnh đầu)  
Thành **Thượng Phương Võng** ấy

**Kim Cương Võng Chân Ngôn:**

**Ấn\_ Vĩ sa-phổ la nại-lạc khất xoa, phộc nhật-la bán nhạ la, hồng phán  
tra**

ॐ वज्रिण वज्र चक्रं हूं ह्रूं  
OM\_VISPHURAD RAKSA VAJRA PAMJALA HÙM PHAT

**Hỏa Viện Tuệ** (tay phải) che **Định** (tay trái)  
Dựng Thiền Trí (2 ngón cái) xoay phải (theo bên phải)  
Ba vòng thành lửa mạnh  
Chân Ngôn là:

**Ấn, A tam táng nghĩ-nễ, hồng phán tra**

ॐ असमग्नि हूं ह्रूं  
OM\_ASAMMGNI HÙM PHAT

Tiếp kết **Liên Hoa Tòa**

Hai Vĩ (2 tay) nâng hình sen  
Hơi co, mở tám cánh  
Chân Ngôn là:

**Ấn, phộc nhật-la, ma la dã, sa-phộc hạ**

ॐ वज्र मलय स्वहा  
OM VAJRA-MÀLÀYA SVÀHÀ

**Hiển Ất Già Thủy Chân Ngôn** là:

**Nắng mô tam mãn đa một đà nam. Nga nga nắng, sa ma sa ma, sa-phộc  
hạ**

ॐ समं वृक्षं गगनं समसमं सूक्ष्मं  
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ GAGANA SAMA ASAMA \_  
SVĀHĀ

**Đồ Hương** duỗi Định Chưởng (lòng bàn tay trái)  
Tuệ Thủ (tay phải) nắm Hữu Oản (? cổ tay trái)  
Chân Ngôn là:

**Án, vi tát-la vi tát-la hồng phán tra, sa-phộc hạ**  
ॐ विसरविसरं हूं क्लृप्तं सूक्ष्मं  
OM VISARA VISARA HŪM PHAT SVĀHĀ

**Hiến Hoa** , ngửa chéo ngón  
Hợp Phong (ngón trỏ) phụ hai Không (2 ngón cái)  
Chân Ngôn là:

**Án, bộ lý nhập-phộc la, đa nghệ, sa-phộc hạ**

**Thiên Hương** dựng lững hợp  
Thiên Trí (2 ngón cái) phụ Tiến Lực (2 ngón trỏ)  
Hợp cạnh, tập Minh Cú:

**Án, vi tát la vi tát la hồng phán tra, sa-phộc hạ**  
ॐ विसरविसरं हूं क्लृप्तं सूक्ष्मं  
OM VISARA VISARA HŪM PHAT SVĀHĀ

**Hiến Thực** ngửa hợp nhau  
Hơi co Luân Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)  
Hai Không (2 ngón cái) phụ cạnh Phong (ngón trỏ)  
Chân Ngôn là:

**Án, phộc nhật-ly ni, phộc nhật-lãm kế, sa-phộc hạ**

**Đăng Ấn Định** (tay trái) nắm quyền  
Dựng Nhẫn (ngón giữa) Thiên Chỉ (ngón cái) vịn  
Chân Ngôn là:

**Án, chiến ni ninh nhiều tha năng, yết lý, hồng phán tra**

**Hư Không Phổ Cúng Dường**

Kim Cương Chưởng an đỉnh

Vận tâm vòng Pháp Giới

Chân Ngôn là:

**Năng mô tam mãn đá một đà nam. Tát phộc tha khiếm, ốt nỗ nghịệt đế,**  
**sa-phổ la, hê hàm, nga nga năng kiếm, sa-phộc hạ**

ॐ मंत्रं वृक्षं गगनं समसमं सूक्ष्मं  
ॐ विसरविसरं हूं क्लृप्तं सूक्ष्मं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ SARVATHĀ KHAM UDGATE  
SPHARA HĪMAM GAGANAKAM – SVĀHĀ.

Tiếp dùng âm thanh nhã  
Khen ngợi nơi Thánh Tôn  
**Phộc nhật-la tát đất-phộc, tăng nghiệt la hạ**  
**Phộc nhật-la phộc đất-năng, ma nỗ đất-lãm**  
**Phộc nhật-la đạt ma nga dã ni**  
**Phộc nhật-la yết hàm ca lỗ bà phộc, lỗ bả nỗ già ma tố già sa**

Tiếp kết **Đỉnh Phát Ấn**  
Định Quyền (quyền trái) Tiến (ngón trỏ) vịn Thiền (ngón cái)  
An Đỉnh, tập Chân Ngôn  
**An, thi khước tả, sa-phộc hạ**

Ngồi yên chẳng lay động  
Đẳng Dẫn mà tương ứng  
Quán trong hoa ngay tim  
Uy quang như mặt trời  
Chữ Hồng (𑖀) thành Độc Cổ  
Biến thành Phần Nộ Tôn (Krodha-nàtha)  
Thẳng Hữu (chân phải) Tả (chân trái) hơi co  
Đạp xéo nơi sen xanh  
Màu thân như mây vàng  
Tóc đỏ dựng thẳng lên  
Dùng Anh Lạc nghiêm thân  
Dùng da cọp che háng  
Nâng Tuệ (Tay phải) lên cầm Chày  
Định (tay trái) hạ (buông thông xuống) Thí Vô Úy  
Tồi phục quân Thiên Ma  
Sức Thần Thôn khôn sánh  
Mới nói câu Chân Ngôn  
Hiện mây lành năm sắc  
Hóa Phật tràn hư không  
Chư Thiên đến rải hoa  
Càn Thát (Gandharva) Khẩn Na La (Kimnara)  
Hai mươi tám Bộ Chúng  
Với các Đại Tiên khác  
Cung kính chấp tay lễ  
Đế Tướng (chân thật tướng) tâm chẳng loạn  
**Kim Cương Đồng Tử Đại Thân Chân Ngôn là:**

Năng mô la đất-năng đất-la dạ dĩa (1) năng mạc thất-chiến noa (2) phộc nhật-la bả noa duệ (3) ma ha dước khát-xoa tế năng bát đa duệ (4) đất nễ-dã tha (5) Ấn , ma hạ phộc nhật-la câu ma-la (6) ca nê độ ni (7) hồng hồng, phán tra, sa-phộc hạ

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमः शिवाय वज्रपतये महं यक्षसेनापतये

ॐ कर्म सुखं कर्म सुखं कर्म सुखं

☞ NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ 'SCAṆḌA VAJRAPĀṆAYE MAHĀ YAKṢA SENAPATAYE

TADYATHĀ : OM\_ KAṆI DHUNI HUM PHAT\_ SVĀHĀ

Tùy Tâm trì **Thần Khế**

Tuệ Thủ (tay trái) Hư Tâm Quyền

Phượng (ngón vô danh phải) bật ở lưng Nguyệt (ngón giữa phải)

Lực (ngón trở phải) móc ngón Phượng Tiên (ngón vô danh phải)

Phượng (ngón vô danh phải) đè lưng ngón Trí (ngón cái phải)

Trí (ngón cái phải) đè Tuệ (ngón cái trái) cũng vậy

Dưng Đầu Chỉ (ngón trở) như phượng

Do gia trí đó nên

Hay nhiếp sức Tự Tại

Không qua câu Thắng Thượng

**Tùy Tâm Chân Ngôn là:**

Năng mô la đất-năng đất-la dạ dĩa (1) Năng mạc thất-chiến noa (2) phộc nhật-la câu ma la (3) Ấn, ca nê độ ni (4) hồng hồng, phán tra, phán tra, sa-phộc hạ

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमः शिवाय वज्रकुम्भे

ॐ कर्म सुखं कर्म सुखं कर्म सुखं

NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ 'SCAṆḌA VAJRA KUMĀRA

OM KAṆI DHUNI HUM HUM PHAT PHAT SVĀHĀ

**Phấn Nộ Tâm Mật Ấn**

Hư hợp ở hai tay (Hư Tâm Hợp Chưởng)

Thủy (ngón vô danh) giao vào Hổ Khẩu

Phong (ngón trở) móc vịn dưới Không (ngón cái)

Dưng Địa Luân (ngón út) như nanh

Tâm Đại Bi chân thật

Nhỏ bút khổ Tam Đồ (ba nẻo ác)

Mau dước thành Tất Địa

Chân Ngôn là:



**Hồng, phộc nhật-la câu ma la, ca ni, độ ni. Hồng hồng, phán tra**

𑖀 𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉 𑖀𑖁 𑖂𑖃 𑖄𑖅 𑖆𑖇 𑖈𑖉

HÙM VAJRA-KUMÀRA KANI DHUNI HÙM HÙM PHAT

**Tiếp Phá Bất Tường Khế**

Trong cài Luân Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)

Co Hỏa (Ngón giữa) ngược móng lưng

Dựng Phong (ngón trở) Không (ngón cái) thành Khế

Kinh Hành với ngũ yên

Giữ Tâm kết Niệm thời

Tiêu mộng ác, tai chướng

**Tiếp Thần Thông Hồ Dụng**

Ấn trước mở hai Phong (2 ngón trở)

Thành tựu Pháp Kim Cương

Thông đạt Môn Tự Tại

**Chủ Thần Loạn Lục Khế**

Địa Luân (ngón út) giao bên ngoài

Phong (ngón trở) móc hai Địa Luân (2 ngón út)

Kèm Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) dựng hợp

Hai Không (2 ngón cái) giữ Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở)

Vừa kết Gia Trì nên

Mây nhạc Trời cúng dường

Tùy tâm thành chân thật

Uy nộ định các Ma

Giao Thủy (ngón vô danh) ló Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở)

Co Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở) thành quyền

Dựng Địa (ngón út) Không (ngón cái) nâng tim

Sức uy thần Mật Khế

Đập thú mạnh nanh bén

Ma Oán chẳng thể địch

**Tiếp kết Lục Vương Ấn**

Dựa theo **Loạn Lục** trước

Hai Không (2 ngón cái) vịn gốc Thủy (ngón vô danh)

Sai khiến (Dịch Sứ) nơi bốn Vua (4 vị Thiên Vương)

Hàng Thiện Thần Đại Lực

Chấn động cõi Đại Thiên

Kim Cương Vương hộ thân

Co Hỏa (ngón giữa) đè Hữu Không (ngón cái phải)

Thủy (ngón vô danh) giữ ở Không Luân (ngón cái)

Địa (ngón út) bật tại lưng Thủy (ngón vô danh)

Thỉnh triệu nơi Kim Cương

Khiến được thân bền chắc

Chẳng hoại ở ba cõi

Hay hộ giúp Hành Giả

Chân Ngôn là:

**Năng mô tát đồ ca. An già ni độ ni. An, hồng phán tra, phán tra, sa-phộc hạ**

Muốn trị bệnh thân tâm

Định Tuệ (2 tay) Kim Cương Quyền

Hợp tròn đầu Phong Luân (ngón trở)

Hai Không (2 ngón cái) an cạnh Hỏa (ngón giữa)

Xưng Chân Ngôn bảy biến

Tâm giận, tưởng niệm thời

Quý Thần, loài gây chướng

Tồi phục rồi lui tan

Chân Ngôn là:

**An, phộc nhật-la câu ma la, hạ na hạ na, na hạ na hạ, bát tả bát tả, thân na thân na, tần na tần na, nghiệt-lý ha-noa, nghiệt-lý ha-noa, hồng hồng, phán tra phán tra**

ॐ वज्रकुम्भं हन हन हन हन पव पव (कृकृकृ (रृरृरृ) हुहु हुहु हूं हूं रुरुरु रुरुरु

OM VAJRA-KUMARA HANA HANA, DAHA DAHA, PACA PACA, CCHINDA CCHINDA, BHINDA BHINDA, GRHNA GRHNA HUM HUM PHAT PHAT

**Kim Cương Hoan Hỷ Ấn**

Hữu Vũ (tay phải) Hư Tâm Quyền

Không (ngón cái) đè lưng Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trở)

Duỗi Đàn (ngón út) Nhẫn (ngón giữa) thành Ấn

Thường niệm tên Kim Cương

Chư Thiên với Thế Gian

Kính yêu sinh tùy vui

Hay phá chướng trong ngoài

Tiếp cài Kim Cương Chướng

Tuệ Thủ (tay phải) hình Độc Cổ

Nguyện (ngón giữa phải) Phương (ngón vô danh phải) vào trong chướng (lòng bàn tay)



Từ tim đến mắt, bung  
Trên đỉnh hợp Liên Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng)

**Phụng Tống Chân Ngôn** là:

**Án, phộc nhật-la, mô khất-xoa, mục**

ॐ वज्र मुक्खा मुह

OM VAJRA MOKṢA MUḤ

Như trước lại **Hộ Thân**

Lễ khắp các Thánh Chúng

Tùy ý mà Kinh Hành

Lược bày nơi **Hộ Ma** (Homa)

Pháp **Thành Tựu Tất Địa**

Lò đối Mạn Đồ La (Maṇḍala)

Tướng mong muốn, làm riêng

Tròn, vuông tùy việc cầu

Nửa lò đầy than lửa

Trầm, Tô Hợp, Bạch Giao

Cháo sữa hòa thuốc thơm

Viên tròn, trăm lẻ tám (108 viên)

Các Pháp rộng như Kinh

Một Chú ném vào lửa (Một lần Chú thì một lần ném vào lửa đốt)

Bản Tôn với Bạc Lạc

Vui vẻ mãn Nguyện ấy

Lại nữa dùng cháo sữa

Bạch Trấp Mộc (cây có nhựa trắng) hòa bơ

Nhóm Tô Mật, sữa, lạc

Hương Huân Lục, Bạch Giao

Hồ La Bạc, gạo tẻ

Cầu Lâu Hương, đường cát

Nhóm Thạch Mật, Bách Diệp

Hòa quết trăm lẻ tám (làm thành 108 viên)

Mỗi viên, một Chú, ném

Vào lò cúng Sứ Giả

Các Trời (Deva), Rồng (Nàga), Dạ Xoa (Yakṣa)

Càn Thát (gandharva), A Tu La (Asura)

Với Tần Na Dạ Ca (Vinayàka)

Vui vẻ tùy gia hộ

Mồng tám hoặc mười lăm

Thường bày lò cúng dường

Mọi hương hoa, thức ăn

Triệu Tập Sứ Giả Chân Ngôn là:

Năng mô la đất-năng đất-la dạ dã. Năng mạc thất-chiến noa, phộc nhật-la bả noa duệ, ma ha dước khát-xoa tế na bát đá duệ. Ma đăng ca, câu ma la.

An, ca ni độ ni. Hồng, phán tra, sa-phộc hạ

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमो शिवाय वज्रपतये महा यक्षसेनापतये मन्त्र कुमारे

ॐ नमो शिवाय वज्रपतये महा यक्षसेनापतये मन्त्र कुमारे

ॐ NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ 'SCANḌA VAJRAPAṆAYE MAHÀ YAKṢA SENAPATAYE  
MATANGA-KUMÀRA

OM\_ KANI DHUNI HUM PHAT\_ SVÀHÀ

Tiếp vẽ tượng Bản Tôn

Dài một thước năm tấc (Đơn vị đo lường của Trung Hoa)

Làm thế đứng chữ Đinh (丁)

Chân đạp hoa sen xanh

Thân làm màu mây vàng

Tóc đỏ dựng quăn rối

Mọi thứ, các Anh Lạc

Vòng, Xuyên dùng nghiêm thân

Dùng da cọp che háng

Tả (Tay trái) cầm Bạt Chiết La (Vajra:Chày Kim Cương)

Hữu hạ (tay phải rũ xuống) Thí Vô Uy

Nên làm hình cực tấn

Tả (bên trái) vẽ một Kim Cương

Bốn tay màu mây vàng

Cầm chày, Luân (bánh xe), Sách (sợi dây). Dao

Hữu (bên phải) Sứ Giả hai tay

Một tay nắm Quyển Ấn

Tiếp cầm Kiếp Bát La

Rồng quăn Eo, Tý (cánh tay), háng

Tiền (trước mặt) chúng Câu Ma La (Kumàra)

Tám Bộ Chúng vây quanh

Thượng (bên trên) mây lành năm sắc

Chư Thiên rải Diệu Hoa

Đao Lợi Thiên Vương Quân

Bốn Vương (4 vị Thiên Vương) các Sứ Giả

Với Tần Na Dạ Ca

Đều thỉnh mệnh phụng giáo  
Người vẽ tịnh trai giới  
Xong Tượng, rộng bày cúng

Tiếp riêng Pháp vẽ Tượng  
Thân năm thước tám tấc  
Mặc quần áo màu vàng  
Chân đạp hoa sen vàng (Kim Liên Hoa)  
Tay phải Bạt Chiết La (cầm chày Kim Cương)  
Nâng lên như thế Nghĩ  
Trái cầm hoa sen vàng  
Tóc hơi vàng, chuyển phải  
Độc phát (một búi tóc ) lồng trong mũ  
Mé trên tóc, hai tấc  
Trong tóc lập Hóa Phật  
Hữu (bên phải) Tích (cây gậy thiếc) Tả (bên trái) Táo Quán (bình nhỏ dùng  
rưới nước)  
Hai bên lưng, một Phật  
Màu vàng cầm Tích Trượng  
Thánh Giả vây thân ấy  
Kéo mây ánh năm màu (Ngũ sắc quang)

Lúc tác Pháp **niệm tụng**  
Đối Tượng tác biến số  
Như Kinh đã nói rõ  
Thương xót chúng Hữu Tình  
Nếu khởi sự giận dữ  
Kim Cương vì mình hiện  
Thân rất ư phẫn tẫn  
Hay khiến người thấy sợ  
Hành Giả, tất cả thời  
Thanh tịnh Thân Ngữ Ý

ĐẠI PHẦN NỘ KIM CƯƠNG ĐỒNG TỬ NIỆM TỤNG DU GIÀ PHÁP  
\_MỘT QUYỂN (Hết)\_

11/06/2008